

Q326C112982
(MTTN26015911.43)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu
Name of sample: **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại bể chứa Thăng Long, Đường Thăng Long, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 13h30 - 18/09/2026
- Mô tả mẫu
Description: Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 03 + 500 mL x 01 / Unit/sample: 1 L x 03 + 500 mL x 01
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26015911 ngày 18/09/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26015911 dated 18/09/2026
- Số lượng mẫu
Quantity: 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt: 18/09/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration: 18/09/2026 - 27/09/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s): Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Nguyễn Hoàng Linh

Phan Thành Trung



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dt.cs@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QATEST 3 at the email addresses dt.cs@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C112982
(MTN26015911.43)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 2/4

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method						
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)					
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)					
ST T No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ /NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,2	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,3	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C112982
(MTTN26015911.43)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 3/4

ST T No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amđ 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amđ 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) / Pass

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 18/09/2026. / Characteristics analyzed on site on 18/09/2026

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation

- KPH: Không phát hiện / Not detected

- (MT⁻⁰): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.

- (c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

(nx): Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo IIAC G8 09 2019) với dải bảo vệ w = 0. Các chỉ tiêu không quy định hoặc không đáp ứng yêu cầu kỹ

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C112982
(MTTN26015911.43)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 4/4

thuật Quy chuẩn không thực hiện nhận xét / *(n.b): In this report the test results and interpretation of conformity/non-conformity with the technical requirements of the reference document relate only to the sample tested at the request of the customer and provided by the customer. The laboratory has discussed and agreed with the customer on a decision rule (referring to ILAC_G8_09_2019) with a guard band $w = 0$. Criteria not specified or not meeting the technical requirements of the Standard will not be commented on.*

2



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phần bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C112982
(MTTN26015911.44)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại nhà dân, 33 Đinh Tiên Hoàng, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 14h00 - 18/09/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 03 + 500 mL x 01 / Unit/sample: 1 L x 03 + 500 mL x 01
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26015911 ngày 18/09/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26015911 dated 18/09/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 18/09/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 18/09/2026 - 27/09/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Nguyễn Hoàng Linh

Phan Thành Trung



Q326C112982
(MTTN26015911.44)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 2/4

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method						
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)					
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)					
ST T No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ /NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.6	Độ màu Color	Pl.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,0	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Q/ATEST 3 at the email address dl.cs@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)- Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C112982
(MTTN26015911.44)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 3/4

ST T No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPII	0,5	2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) / Pass

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- ^{HT}: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 18/09/2026. / Characteristics analyzed on site on 18/09/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPII: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- ^(c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

(nx): Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC G8 09 2019) với dải bảo vệ $w = 0$. Các chỉ tiêu không quy định hoặc không đáp ứng yêu cầu kỹ

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (ViLAS 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C112982
(MITN26015911.44)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 4/4

thuật Quy chuẩn không thực hiện nhận xét / ^(m.n): *In this report the test results and interpretation of conformity/non-conformity with the technical requirements of the reference document relate only to the sample tested at the request of the customer and provided by the customer. The laboratory has discussed and agreed with the customer on a decision rule (referring to ILAC_G8_09_2019) with a guard band $w = 0$. Criteria not specified or not meeting the technical requirements of the Standard will not be commented on.*

2



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the merely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ bộ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viلاس 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C112982
(MTTN26015911.45)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại trạm bơm Đạt Lý, Thôn 6 (cũ), Tổ dân phố 19, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu: 9h30 - 15/09/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 03 + 500 mL x 01 / *Unit/sample: 1 L x 03 + 500 mL x 01*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26015911 ngày 15/09/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26015911 dated 15/09/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 15/09/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 15/09/2026 - 27/09/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Nguyễn Hoàng Linh

Phan Thành Trung



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính là độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.ca@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.ca@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C112982
(MTTN26015911.45)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 2/4

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method						
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)					
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)					
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ /NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,0	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ bộ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited or conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

BM105.02.VIL (HL: 07/07/2025)

Q326C112982
(MTTN26015911.45)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 3/4

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPII	0,5	2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) / Pass

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 15/09/2026. / Characteristics analyzed on site on 15/09/2026

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation

- KPH: Không phát hiện / Not detected

- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thử nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.

- (c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

(nx): Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$. Các chỉ tiêu không quy định hoặc không đáp ứng yêu cầu kỹ

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nên không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dl.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Vilas) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C112982
(MTTN26015911.45)**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**
TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 4/4

thuật Quy chuẩn không thực hiện nhận xét / ^(*): *In this report the test results and interpretation of conformity/non-conformity with the technical requirements of the reference document relate only to the sample tested at the request of the customer and provided by the customer. The laboratory has discussed and agreed with the customer on a decision rule (referring to ILAC_G8_09_2019) with a guard band $w = 0$. Criteria not specified or not meeting the technical requirements of the Standard will not be commented on.*

2



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thảo luận về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vlas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

BM105.02.VIL (HL: 07/07/2025)

Q326C112982
(MTTN26015911.46)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/09/2026
Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại nhà dân, 218 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 15h00 - 18/09/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L. x 03 + 500 mL. x 01 / *Unit/sample: 1 L. x 03 + 500 mL. x 01*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26015911 ngày 18/09/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26015911 dated 18/09/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 18/09/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 18/09/2026 - 27/09/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ ds.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses ds.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C112982
(MTTN26015911.46)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 2/4

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method						
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)					
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)					
ST T No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ /NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 ^(MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ ^(MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,9	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 ^(MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the nominally submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.xu@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.xu@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C112982
(MTTN26015911.46)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 3/4

ST T No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) / Pass

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 18/09/2026. / Characteristics analyzed on site on 18/09/2026

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation

- KPII: Không phát hiện / Not detected

- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.

- (c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vì sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

(nx): Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ w = 0. Các chỉ tiêu không quy định hoặc không đáp ứng yêu cầu kỹ

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dl.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C112982
(MTTN26015911.46)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 4/4

thuật Quy chuẩn không thực hiện nhận xét / *(n.b): In this report the test results and interpretation of conformity/non-conformity with the technical requirements of the reference document relate only to the sample tested at the request of the customer and provided by the customer. The laboratory has discussed and agreed with the customer on a decision rule (referring to ILAC_G8_09_2019) with a guard band $w = 0$. Criteria not specified or not meeting the technical requirements of the Standard will not be commented on.*

2



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the nanonly submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C112982
(MTTN26015911.47)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu
Name of sample: **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk,
339 Tôn Đức Thắng, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 8h00 - 15/09/2026
- Mô tả mẫu
Description: Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 03 + 500 mL x 01 / Unit/sample: 1 L x 03 + 500 mL x 01
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26015911 ngày 15/09/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26015911 dated 15/09/2026
- Số lượng mẫu
Quantity: 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt: 15/09/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration: 15/09/2026 - 27/09/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s): Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C112982
(MTTN26015911.47)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 2/4

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method						
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis			TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)			
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis			TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)			
ST T No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ /NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,5	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,0	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của đơn gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (RoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C112982
(MTTN26015911.47)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 3/4

ST T No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) / Pass

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 15/09/2026. / Characteristics analyzed on site on 15/09/2026

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation

- KPH: Không phát hiện / Not detected

- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.

- (c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vì sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

(nx): Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$. Các chỉ tiêu không quy định hoặc không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nội gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ ds.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses ds.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BQA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C112982
(MTTN26015911.47)**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**
TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 4/4

thuật Quy chuẩn không thực hiện nhận xét / (n): In this report the test results and interpretation of conformity/non-conformity with the technical requirements of the reference document relate only to the sample tested at the request of the customer and provided by the customer. The laboratory has discussed and agreed with the customer on a decision rule (referring to ILAC G8_09 2019) with a guard band $w = 0$. Criteria not specified or not meeting the technical requirements of the Standard will not be commented on.



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (HoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C112982
(MTTN26015911.48)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại nhà dân, 51 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 8h30 - 15/09/2026
- Mô tả mẫu**
Description : **Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.**
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 03 + 500 mL x 01 / Unit/sample: 1 L x 03 + 500 mL x 01
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26015911 ngày 15/09/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26015911 dated 15/09/2026
- Số lượng mẫu**
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : 15/09/2026
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : 15/09/2026 - 27/09/2026
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Nguyễn Hoàng Linh



Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email address dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)- Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viلاس 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

BM105.02.VIL (HL: 07/07/2025)

Q326C112982
(MTTN26015911.48)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 2/4

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method						
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)					
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)					
ST T No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ /NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,0005	0,01	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,3	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPII	5	15	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,2	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilar 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited at conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilar 004). The characteristics marked with (*) is not accredited yet.

Q326C112982
(MTTN26015911.48)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 3/4

ST T No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) / Pass

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 15/09/2026. / Characteristics analyzed on site on 15/09/2026

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation

- KPH: Không phát hiện / Not detected

- (MT-⁰): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.

- ^(e): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

(nx): Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chi liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$. Các chỉ tiêu không quy định hoặc không đáp ứng yêu cầu kỹ

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phần bỏ chưa tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (RoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C112982
(MTTN26015911.48)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 4/4

thuật Quy chuẩn không thực hiện nhận xét / *note*: In this report the test results and interpretation of conformity/non-conformity with the technical requirements of the reference document relate only to the sample tested at the request of the customer and provided by the customer. The laboratory has discussed and agreed with the customer on a decision rule (referring to ILAC G8_09_2019) with a guard band $w = 0$. Criteria not specified or not meeting the technical requirements of the Standard will not be commented on.

2



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the merely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Đã không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chưa tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C112982
(MTTN26015911.49)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/09/2026
Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại nhà dân, 45A Trần Hưng Đạo, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 14h30 - 18/09/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 03 + 500 mL x 01 / *Unit/sample: 1 L x 03 + 500 mL x 01*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26015911 ngày 18/09/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No MTTN26015911 dated 18/09/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 18/09/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 18/09/2026 - 27/09/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ ds.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses ds.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C112982
(MTTN26015911.49)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 2/4

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method						
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis			TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)			
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis			TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)			
ST T No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ /NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,7	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,7	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)	Phù hợp (Đạt) / Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phạm vi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viện 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C112982
(MTTN26015911.49)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 3/4

ST T No.	Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test Result</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Mức chất lượng <i>Quality Level</i>	Nhận xét (nx) <i>Comment</i>
7.8	Độ đục <i>Turbidity</i>	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	<1(c)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	<1(c)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) / Pass

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality

- ^{III}: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 18/09/2026. / *Characteristics analyzed on site on 18/09/2026*

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*

- US EPA: United States Environmental Protection Agency / *United States Environmental Protection Agency*

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*

- ISO: International Organization for Standardization / *International Organization for Standardization*

- OCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*

- KPH: Không phát hiện / *Not detected*

- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*

- (c): Kết quả " < 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. /
The result " < 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*

(m): Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo II AC G8 09 2019) với dải bảo vệ $w = 0$. Các chỉ tiêu không quy định hoặc không đáp ứng yêu cầu kỹ

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm

Test results are valid for the *nomely* submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k=2$.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Y học và Sinh học, Đại học Y khoa Huế.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
E. Mọi thành viên và bất cứ khách hàng nào tiếp nhận đơn chỉ định của quatest3.com.vn đã biết thêm thông tin

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cauquates13.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact G114TEST 1 at the email addresses dh.cauquates13.com.vn for further information about test report.

6. Phỏng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận

Q326C112982
(MTTN26015911.49)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/09/2026

Trang/ Page: 4/4

thuật Quy chuẩn không thực hiện nhận xét / (n.s); *In this report the test results and interpretation of conformity/non-conformity with the technical requirements of the reference document relate only to the sample tested at the request of the customer and provided by the customer. The laboratory has discussed and agreed with the customer on a decision rule (referring to ILAC G8 09 2019) with a guard band $w = 0$. Criteria not specified or not meeting the technical requirements of the Standard will not be commented on.*

2



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*